

Bản án số: 57A/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/5/2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- *Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hạnh
2. Ông Lê Văn Luận

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Th phố Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Th phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Th phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167/2022/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXX ngày 15 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Vũ Thị T - S năm 1970.

2. ***Bị đơn:*** Ông Chu Văn Th - S năm 1966

Cùng địa chỉ: SN 16/30 N, phường Đ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Vũ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và anh Chu Văn Th tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1993, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND thị trấn H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống do ông Th vi phạm pháp luật nhiều lần và phải đi chấp hành án phạt tù đến 19 năm, nên tình cảm vợ chồng cũng phai nhạt. Tuy nhiên, vì con cái nên bà không làm đơn ly hôn. Đến tháng 01/2020 ông Th ra trại trở về S sống cùng với gia đình tại SN 16/30 N, phường Đ, TP Thanh Hóa. Kể từ ngày ông Th về chung sống cùng với gia đình thì giữa bà và ông Th thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Th thường xuyên chửi bới, quát tháo, hành hung gây lộn với bà, nhiều lần đập phá đồ đạc trong nhà và đe dọa người thân trong gia đình bà. Bản thân bà và các con đã nhiều lần khuyên bảo ông Th nhưng không có kết quả. Kể từ tháng 5/2021 bà và ông Th đã sống ly thân, không ai

quan tâm đến ai. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Th.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là Chu Khánh L – S ngày 08/10/1994 và Chu Thành S – S ngày 10/11/1996. Hiện nay đều đã Thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Chu Văn Th theo quy định của pháp luật, nhưng ông Th không đến Tòa án theo giấy tập, mà chỉ gửi bản ý kiến thể hiện quan điểm về việc bà T xin ly hôn đến Tòa án như sau:

Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, ông Th thống nhất như nội dung anh Th đã khai. Nay bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý

Về con chung: Ông bà có hai con chung là Chu Khánh L – S ngày 08/10/1994 và Chu Th S – S ngày 10/11/1996. Hiện nay đều đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Ông Chu Văn Th và bà Vũ Thị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND thị trấn H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa và chung sống với nhau tại địa phương. Quá trình vợ chồng chung sống địa phương được biết ông bà có hay xảy ra cãi vã, xung đột với nhau. Địa phương được biết ông Th không đến Tòa án theo giấy triệu tập nhưng làm bản ý kiến rồi gửi đến Tòa án (phổ được chứng kiến và có xác nhận tại bản ý kiến của ông Th)

Về con chung: Ông Th bà T có hai con chung là Chu Khánh L – S ngày 08/10/1994 và Chu Th S – S ngày 10/11/1996, hiện nay đều đã thành niên.

Về tài sản, công nợ: Địa phương không nắm được ông bà có những tài sản công nợ chung nào.

Tại phiên tòa ông Th vắng mặt, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung thêm nội dung nào khác.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS để xét xử. Về yêu cầu khởi kiện: đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình

theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Chu Văn Th có địa chỉ tại thành phố Thanh Hóa, nên Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Bà Vũ Thị T và ông Chu Văn Th kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T thấy rằng: hôn nhân muốn tồn tại trước hết vợ chồng phải thương yêu nhau, tôn trọng và có trách nhiệm với nhau cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Qua xem xét lời khai của bà T, ông Th, cung cấp của chính quyền địa phương nơi ông bà S sống thể hiện: vợ chồng do xa cách một thời gian dài nên tình cảm phai nhạt, khi chung sống cùng nhau thì thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, không thể hòa hợp. Hiện nay ông bà đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T, ông Th đã trầm trọng, kéo dài. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cả bà T và ông Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông Th đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để hòa giải, không tham gia phiên tòa, mặc nhiên để bà T đơn phương ly hôn. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của bà T, xử cho bà được ly hôn ông Chu Văn Th.

[3] *Về con chung*: Ông Th bà T có hai con chung là Chu Khánh L – S ngày 08/10/1994 và Chu Th S – S ngày 10/11/1996, hiện nay đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản*: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, bà Vũ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1. 1 Điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

Về hôn nhân: Xử cho bà Vũ Thị T được ly hôn ông Chu Văn Th.

Về con chung: Ông Th bà T có hai con chung là Chu Khánh L – S ngày 08/10/1994 và Chu Th S – S ngày 10/11/1996, hiện nay đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Bà T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001639 ngày 19/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Th phố Thanh Hóa. Bà T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Bà T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP.Thanh Hoá;
- UBND thị trấn H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Thị Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Tiến

Mai Thị Tiếp

Trương Thị Quỳnh

